TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2025
V/v "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Thành

Ông Đinh Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; CCCD: 044092011582; địa chỉ: thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị Thùy L, sinh năm 2000; CCCD: 044300004094; địa chỉ: thôn Y, xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn Y, xã M, tỉnh Quảng Trị), vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 03/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì vợ bỏ đi không một lý do vào ngày 05/8/2022. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Do đó, anh T đề nghị xin được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có có 01 con chung Nguyễn Quang K, sinh ngày 25/11/2019. Hiện nay, con đang ở với anh T từ khi vợ chồng sống ly thân, vợ không quan tâm đến con, ra đi bỏ anh T và con chung, không quan tâm, chăm sóc hỏi han gì con cái. Do đó, khi ly hôn, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Đinh Thị Thùy L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều 147, 217, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Về quan hệ hôn nhân: cho anh T ly hôn chị L; về quan hệ con chung: giao cháu K cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và chị L phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật; về án phí: anh T, chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn với chị Đinh Thị Thùy L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, qua xác minh tại địa phương được biết chị L có nơi cư trú tại thôn Y, xã M, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn chị Đinh Thị Thùy L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Thùy L tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K (nay là xã Đ), tỉnh Quảng Trị, nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh T cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ bỏ con và chồng đi không một lý do vào tháng 8/2022, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay, không ai quan tâm đến ai, không ai chăm sóc ai.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, vợ chồng ly thân từ năm 2022 đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm, chăm sóc, hỏi han nhau, như vậy có thể thấy không ai có mong muốn hàn gắn tình cảm. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập chị L đến Tòa án để tiến hành hòa giải tuy nhiên chị L không có thiện chí tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm, không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của anh T. Nên có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị L là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có có 01 con chung Nguyễn Quang K, sinh ngày 25/11/2019. Hiện nay, con đang ở với anh T từ khi vợ chồng sống ly thân, vợ không quan tâm đến con, ra đi bỏ anh T và con chung, không quan tâm, chăm sóc hỏi han gì con cái. Do đó, khi ly hôn, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung đang sống với anh T, từ khi vợ chồng sống ly thân, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và con chung phát triển ổn định, bình thường. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, hạn chế sự xáo trộn cuộc sống của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Quang K cho anh T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh T yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, việc yêu cầu cấp dưỡng của anh T là hoàn toàn phù hợp, mức cấp dưỡng mà anh T yêu cầu phù hợp mức cấp dưỡng quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Để đảm bảo các khoản chi phí chăm sóc con, nuôi dưỡng con nên buộc chị L cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp. Nên chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của anh T.

[2.3] Đối với quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Các điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Thúy L1.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Quang K, sinh ngày 25/11/2019 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị Thùy L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom đến cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0000722 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Quảng Trị).

Chị Đinh Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 2 – Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- UBND xã Đồng Lê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh